TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** TỈNH QUẢNG TRỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 19-7-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thái Sơn.
2. Ông Lê Ngọc Long.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Thùy Phương.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST – KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST - KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N**; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Thiên A, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Trị (theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Minh T** – Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM; địa chỉ trụ sở: Tiểu khu B, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ tạm trú: Căn 4, tầng 11 Tòa nhà P, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Thiềm Thị Phương M**, anh **Quách Hoàng L**; cùng địa chỉ: Căn 4, tầng 11 Tòa nhà P, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản trình bày ý kiến ngày 18/4/2019 về việc giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N trình bày:

Ngày 17/01/2012, bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp TM) và Ngân hàng N ký kết hợp đồng tín dụng số 3904 LAV 201200089, theo dó Ngân hàng N cho Doanh nghiệp TM vay số tiền 220.000.000 đồng; mục đích vay vốn: xây và sửa chữa kè bao cây xăng Cam Lộ, thời hạn vay 12 tháng (phụ lục hợp đồng đã thỏa thuận lại thời hạn vay theo chu kỳ 4 tháng), lãi suất 20%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 17/01/2012, chị Thiềm Thị Phương M đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 17.01.2012/TC ngày 17/01/2012 với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 350m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843360 ngày 04/12/2007 và quyền sử dụng đất 751m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843361 ngày 04/12/2007.

Do bà Trần Thị Minh T không trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên ngày 22/7/2013 Ngân hàng N đã khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ vay. Ngày 25/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm, ngày 21/6/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm, giao cho Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ giải quyết sơ thẩm lại.

Sau khi có bản án phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 05/12/2013 của TAND tỉnh Quảng Trị thì bà T đã trả toàn bộ số nợ gốc theo hợp đồng là 220.000.000 đồng (chị Thiềm Thị Phương M trả thay). Ngày 07/4/2014, thực hiện Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo bản án phúc thẩm, Ngân hàng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843360 và AK 843361 cho chị Thiềm Thị Phương M. Toàn bộ tài sản thế chấp chị M đã bán cho bên thứ ba. Ngày 09/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ thụ lý lại vụ án thì Nguyên đơn rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 09/02/2017.

Ngày 20/11/2017, Ngân hàng N khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM trả số tiền nợ lãi 99.647.500 đồng; buộc chị M phải chịu trách nhiệm trả lãi thay nếu Doanh nghiệp TM không trả được. Ngày 21/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Ngày 15/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 21/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ thụ lý lại vụ án, nguyên đơn giữ nguyên nội dung, yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM trả số tiền nợ lãi 99.647.500 đồng, tiền lãi được tính như sau:

- Lãi trong hạn: 13.420.000 đồng.

Từ ngày 17/01/2012 đến ngày 17/05/2012: 220.000.000 đồng x 122 ngày x 18% = 13.420.000 đồng.

- Lãi quá hạn: 86.227.500 đồng.

+ Từ ngày 18/5/2012 đến ngày 14/7/2012: 220.000.000 đồng x 58 ngày x

(18% x 150%) = 9.570.000 đồng;

+ Từ ngày 15/7/2012 đến ngày 12/5/2013: 220.000.000 đồng x 302 ngày x (15% x 150%) = 41.525.000 đồng;

+ Từ ngày 13/5/2013 đến ngày 07/7/2013: 220.000.000 đồng x 56 ngày x (13% x 150%) = 6.673.333 đồng;

+ Từ ngày 08/7/2013 đến ngày 15/8/2013: 210.000.000 đồng x 39 ngày x (13% x 150%) = 4.436.250 đồng;

+ Từ ngày 16/8/2013 đến ngày 16/2/2014: 200.000.000 đồng x 185 ngày x (13% x 150%) = 20.041.667 đồng;

+ Từ ngày 17/02/2014 đến ngày 06/4/2014: 150.000.000 đồng x 49 ngày x (13% x 150%) = 3.981.250 đồng.

Việc giao lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho chị Thiềm Thị Phương M không làm mất đi nghĩa vụ của chị M trong việc đã dùng tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà T. Vì vậy đề nghị Tòa án buộc chị M vẫn phải chịu trách nhiệm trong việc trả nợ của bà T kể cả khi tài sản thế chấp đã bán hết trong trường hợp Doanh nghiệp TM không trả được nợ lãi nêu trên.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/12/2017 và ngày 11/4/2019, bị đơn bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp TM trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 3904 LAV 201200089 ngày 17/01/2012 để vay số tiền 220.000.000 đồng, mục đích vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn như trình bày của nguyên đơn. Tiền nợ gốc 220.000.000 đồng đã trả, về nợ lãi chỉ chấp nhận số nợ lãi 37.042.500 đồng như bản án sơ thẩm, phúc phẩm năm 2013 đã tuyên buộc, không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc chị Thiềm Thị Phương M tiếp tục chịu trách nhiệm trả lãi thay cho Doanh nghiệp TM vì tài sản thế chấp đã bán hết để trả nợ gốc.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/11/2017, ngày 15/3/2018 và ngày 11/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thiềm Thị Phương M trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 17.01.2012/TC ngày 17/01/2012 để đảm bảo cho khoản vay của Doanh nghiệp TM với số tiền 220.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Thi hành bản án sơ thẩm, phúc thẩm năm 2013 chị đã chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp trả nợ tiền gốc 220.000.000 đồng cho Ngân hàng N thay cho Doanh nghiệp TM. Chị M không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu vì tài sản thế chấp đã bán hết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Quách Hoàng L trình bày: Anh L có đưa 296.000.000 đồng cho vợ là chị Thiềm Thị Phương M để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843360 và AK 843361 nhưng không giữ giấy tờ giao nhận. Việc chị M dùng 2 quyền sử dụng đất này để bảo lãnh cho Doanh nghiệp TM và sau đó chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền trả nợ thay cho Doanh nghiệp TM anh L không được biết. Sự việc đã xong, chị M vợ anh đã thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh, anh L không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về quyền lợi của mình, yêu cầu Tòa

án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, 466, 468, Điều 317, 307, 500 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM trả cho Ngân hàng N 99.647.500 đồng. Trong trường hợp bà Trần Thị Minh T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì chị Thiềm Thị Phương M có trách nhiệm trả thay số tiền 10.000.000 đồng.

- Về án phí: Bà Trần Thị Minh T phải chịu 4.982.375 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 5.926.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp; bà T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 943.625 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được hoàn trả 4.642.187đồng. Chị Thiềm Thị Phương M không phải chịu án phí nên được hoàn trả 200.000 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thiềm Thị Phương M, anh Quách Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng số 3904 LAV 201200089 được ký kết giữa Ngân hàng N và bà Trần Thị Minh T ngày 17/01/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.01.2012/TC ngày 17/01/2012 ký kết giữa chị Thiềm Thị Phương M với Ngân hàng N xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng giao dịch giữa các bên đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về Hợp đồng tín dụng ngày 17/01/2012:

[3.1.1] Xét hiệu lực: Hợp đồng được ký trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật nên có hiệu lực.

[3.1.2] Việc thực hiện hợp đồng: Ngày 06/4/2014, bà Trần Thị Minh T và chị Thiềm Thị Phương M đã trả đủ nợ gốc 220.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả.

[3.1.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi 99.647.500 đồng.

Về lãi suất trong hạn: Theo thỏa thuận của các bên tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay thỏa thuận, khi Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Quảng Trị điều chỉnh tăng lãi suất thì lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Quảng Trị. Lãi suất trong hạn từ ngày 17/01/2012 đến ngày 17/05/2012 nguyên đơn yêu cầu là 18%/năm, số tiền lãi trong hạn nguyên đơn yêu cầu là 13.420.000 đồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 21/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 8126/NHNo-KHTH ngày 09/11/2011của Ngân hàng N về việc quy định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam, Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cách tính số ngày trong một năm, Văn bản số 787/NHNo-KHTH ngày 14/11/2011 của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng lãi suất.

Về lãi suất quá hạn: Kể từ ngày 18/5/2012 cho đến ngày 06/4/2014, Ngân hàng N đã chuyển khoản vay của Doanh nghiệp TM sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu là 86.227.500 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 21/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nguyên đơn áp dụng lãi suất trong hạn để tính lãi quá hạn như sau: Từ ngày 18/5/2012 đến ngày 14/7/2012 là 18%/năm theo quy định tại Văn bản số 787/NHNo-KHTH ngày 14/11/2011 của Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Quảng Trị; từ ngày 15/7/2012 đến ngày 12/5/2013 là 15% theo quy định tại Thông báo số 198/TB-NHNN ngày 09/7/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; từ ngày 13/5/2013 đến ngày 06/4/2014 là 13% theo quy định tại Văn bản số 3234/NHNo-KHNV ngày 10/5/2013 của Ngân hàng N; Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cách tính số ngày trong một năm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn là bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng kèm theo nên nguyên đơn là Ngân hàng N đã chuyển nợ quá hạn, tính lãi trong hạn, lãi quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã cam kết và theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại từng thời điểm là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 và Thông báo số 198/TB - NHNN ngày 09/7/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ - NHNN ngày 21/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 99.647.500 đồng.

[3.2] Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

[3.2.1] Về hiệu lực: Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất số AK 843360 và AK 843361 được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ cấp ngày 04/12/2007 cho chị Thiềm Thị Phương M. Chị M và anh Quách Hoàng L đăng ký kết hôn ngày 25/7/2005. Căn cứ vào đơn xin cấp lại giấy chứng nhận QSD đất và Quyết định số 1421/QĐ-UB ngày 04/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì QSD đất số AK 843360 và AK 843361 đã được cấp cho chị M từ năm 2004 với số hiệu Đ 643458 và Đ 601275 do bị mất nên xin cấp lại. Anh Quách Hoàng L trình bày có đưa 296.000.000 đồng cho chị M để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng cả chị M và anh L đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc góp tiền để nhận chuyển nhượng QSD đất cũng như việc chị M tự nguyện đưa QSD đất này vào tài sản chung của vợ chồng, anh L không có ý kiến thắc mắc gì và đề nghị Tòa án đưa anh ra khỏi thành phần người tham gia tố tụng trong vụ án này. Như vậy, QSD đất mà chị M dùng thế chấp là tài sản riêng của chị M. Hợp đồng thế chấp được ký giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật, có hiệu lực.

[3.2.2] Về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp:

Theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.01.2012/TC ngày 17/01/2012 về phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm: Bên B(chị M) tự nguyện đem tài sản thế chấp cho nghĩa vụ trả nợ của bên C (bà T) đối với bên A (Ngân hàng) bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác có liên quan; trong đó, mức dư nợ cho vay theo hợp đồng tín dụng do bên A và bên C ký là 220.000.000 đồng. Tại điểm 4.3.7 khoản 4.3 Điều 4 của hợp đồng thế chấp quy định: Số tiền thu được từ việc bán tài sản...sẽ được dùng để thanh toán các khoản nợ...bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của bên C (bà T), nếu còn thiếu thì bên C có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho bên A.

Thi hành bản án phúc thẩm số 16/2013/KDTM-PT ngày 05/12/2013 của TAND tỉnh Quảng Trị, Ngân hàng N giao lại cho chị M 2 giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp, chị M đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 350m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843360 do UBND huyện Cam Lộ cấp ngày 04/12/2007 cho chị Phạm Nguyễn Tường A với giá 30.000.000 đồng; chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 751m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 843361 do UBND huyện Cam Lộ cấp ngày 04/12/2007 cho ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M với giá 200.000.000 đồng, tổng cộng tài sản thế chấp bán được 230.000.000 đồng, chị M trả nợ thay cho Doanh nghiệp TM nợ gốc 220.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp nêu trên, áp dụng Điều 317, 307, 500 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 10.000.000 đồng trong số nợ lãi của Doanh nghiệp TM nếu Doanh nghiệp TM không trả hết số nợ lãi 99.647.500 đồng.

[4] Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả

99.647.500 đồng là 4.982.375 đồng. Bà T có đơn đề nghị được miễn giảm án phí với lý do bà là đối tượng hưởng trợ cấp nhà nước do hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Đối chiếu với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí.

- Theo Công văn số 180/CCTHADS ngày 21/5/2019 và công văn số 275b/CCTHADS ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự về việc thông báo kết quả thi hành án thì:

+ Ngân hàng N đã nộp tiền tạm ứng án phí, thi hành án về án phí từ khi khởi kiện lần đầu năm 2013 đến nay với tổng số tiền là 10.683.187đồng, đã được hoàn trả 6.041.000đồng, còn lại 4.642.187đồng, tiếp tục được hoàn trả;

+ Bà Trần Thị Minh T đã nộp 5.926.000đồng;

+ Chị Thiềm Thị Phương M đã nộp 2.200.000đồng, đã được hoàn trả 2.000.000đồng, còn lại 200.000 đồng. Chị M không phải chịu án phí nên được hoàn trả 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, 466, 468, Điều 317, 307, 500 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Trần Thị Minh T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu TM trả cho Ngân hàng N 99.647.500 đồng. Trong trường hợp bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì chị Thiềm Thị Phương M có trách nhiệm trả thay số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bà Trần Thị Minh T phải chịu 4.982.375 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 5.926.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp, bà T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 943.625 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được hoàn trả 4.642.187đồng.

- Chị Thiềm Thị Phương M không phải chịu án phí nên được hoàn trả 200.000 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đàn